

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2020/HS-ST

Ngày: 29/5/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Thanh Huyền

2. Bà Nông Thị Phương Lê.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2020/ TLST- HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Văn T (tên gọi khác: không), sinh ngày 05 tháng 8 năm 1953; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 1, phường Đ, thành phố B, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/10; con ông Bùi Văn T1 (đã chết) và bà Phạm Thị Nh (đã chết); có vợ là Hà Thị L và 02 con (con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1986); tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Sầm Đức T2 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt.

*** Bị hại:**

1. Anh Tống Ngọc D, sinh năm 1980.

Trú tại: Tổ Kh, phường H, thành phố B, tỉnh B. Có mặt.

2. Cháu Nguyễn Linh S, sinh ngày 23/7/2008. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Linh S: Chị Bùi Thị Chinh L1, sinh năm 1983. Có mặt.

Đều trú tại: Tổ 1, phường Đ, thành phố B, tỉnh B.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Bùi Thị Chinh L1, sinh năm 1983.

Trú tại: Tổ 1, phường Đ, thành phố B, tỉnh B. Có mặt.

2. Chị Hoàng Thị Nh, sinh năm 1984.

Trú tại: Tổ Kh, phường H, thành phố B, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 16/6/2019, Bùi Văn T lấy xe đạp điện để chở cháu ngoại là Nguyễn Linh S đi học thêm. Sau khi kiểm tra thấy chiếc xe đạp điện đã hết điện, lúc này ở nhà có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha biển kiểm soát 97B1 -153.xx (dung tích xi lanh 97cm³) của chị Bùi Thị Chinh L1 (là con gái ruột của Bùi Văn T) vẫn cắm chìa khóa ở ổ khóa. Thấy vậy, Bùi Văn T đã tự ý lấy chiếc xe trên để chở cháu S đi học trong khi chưa có giấy phép lái xe mô tô.

Bùi Văn T điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1- 153.xx chở cháu S (T và cháu S đều đội mũ bảo hiểm) đi từ nhà thuộc tổ 1, phường Đ, thành phố B theo đường Ng (đường nối giữa đường Võ Nguyên Gi với đường Quốc lộ 3) hướng từ Quốc lộ 3 ra đường Võ Nguyên Gi. Khi đi đến đoạn đường cách đèn xanh đèn đỏ tại ngã tư Cầu Ph khoảng 15m thuộc tổ 1, phường Đ, thành phố B, mặc dù đường vắng, không có chướng ngại vật cản trở nhưng Bùi Văn T đã điều khiển xe mô tô di chuyển sang phần đường bên trái theo chiều đi của mình. Cùng lúc này, anh Tống Ngọc D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97B1- 826.xx theo hướng ngược lại đi đến, do T đang đi sai phần đường không xử lý kịp nên hai xe đã xảy ra va chạm. Xe mô tô do T điều khiển đã đâm vào phần bánh trước bên phải xe mô tô do anh D điều khiển, khiến hai xe bị đổ. Hậu quả làm anh D bị thương ở ngón chân số 1 bên phải, đồng thời bị ngã đầu đập xuống đường gây chấn thương sọ não và bất tỉnh (thời điểm xảy ra tai nạn giao thông anh D không đội mũ bảo hiểm); cháu S và T bị ngã ra đường, cháu Sang bị thương chảy máu ở vùng cằm. Anh D và cháu S được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn cấp cứu; 02 xe mô tô bị hư hỏng. Thời điểm xảy ra va chạm đèn tín hiệu giao thông tại ngã tư Cầu Ph không hoạt động.

Ngay sau khi xảy ra sự việc, Công an thành phố Bắc Kạn đã tiến hành kiểm tra nồng độ cồn đối với Bùi Văn T có kết quả 0,00mg/l khí thở. Đối với anh Tống Ngọc D, kết quả xét nghiệm ethanol (cồn) xác định nồng độ cồn trong máu thời điểm được cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn sau khi vụ tai nạn xảy ra là 293,5 mg/100ml. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, trưng cầu giám định, định giá tài sản kết quả như sau:

Khám nghiệm hiện trường xác định: Hiện trường đã bị xáo trộn một phần. Lấy mép phải đường nổi hướng Võ Nguyên Gi đi Quốc lộ 3 làm mép chuẩn, lấy cột điện Đ 25 dựng trên vỉa hè bên trái đường hướng Võ Nguyên Gi đi Quốc lộ 3 làm mốc chuẩn. Tại hiện trường ở giữa vị trí lòng đường phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 97B1–153.xx đổ nằm nghiêng trái trên mặt đường, đầu xe hướng chệch bên trái đường, đuôi xe hướng chệch bên phải đường (quy định là vị trí số 01). Tiến hành đo từ trục trước vị trí 01 đến mép chuẩn là 4 mét, đến mốc chuẩn là 8,60m; từ trục sau vị trí 01 đến mép chuẩn là 3,15m, đến mốc chuẩn là 9,35 m. Dưới vị trí số 01 có 01 dấu vết cày xước in trên mặt đường có chiều hướng từ phải qua trái, có kích thước dài 28cm, rộng 0,7cm, sâu 0,1cm (quy định là vị trí số 02). Từ điểm đầu vị trí số 02 đến mép chuẩn là 9,0 m, đến mốc chuẩn là 3,25m; từ điểm đầu vị trí số 02 đến trục sau vị trí 01 là 25cm; điểm cuối vị trí số 02 kết thúc tại chân chống phụ của vị trí số 01, cách mép chuẩn 3,70 m, cách mốc chuẩn 8,90m. Gần vị trí số 01, 02 về hướng bên trái đường phát hiện nhóm dấu vết gồm vòng trang sức, đôi dép nhựa màu trắng và các mảnh nhựa vỡ tập trung trong diện 3,50m x 0,4m (quy định là vị trí số 03), từ tâm vị trí 03 đến mép chuẩn là 4,20m, đến mốc chuẩn là 8,15m. Tại bên trái lòng đường phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 826.55 đổ nằm nghiêng trái trên mặt đường, đầu xe hướng bên phải đường, đuôi xe hướng bên trái đường (quy định là vị trí số 04). Từ trục trước vị trí số 04 đến mép chuẩn là 4,20m, đến mốc chuẩn là 8,44m. Từ trục sau vị trí số 04 đến mép chuẩn là 5,25m, đến mốc chuẩn là 7,20m. Từ trục trước vị trí 04 đến trục trước vị trí 01 là 0,4m; từ trục sau vị trí 04 đến trục sau vị trí 01 là 1,36m. Tại gần đuôi xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 826.xx phát hiện nhóm dấu vết màu nâu đỏ nhỏ giọt tập trung trong diện 1m x 0,2m (quy định là vị trí số 5), từ tâm vị trí số 5 đến mép chuẩn là 6 mét, đến mốc chuẩn là 6,70m. Tiến hành đo lòng đường nơi xảy ra tai nạn rộng 7m. Từ trục trước vị trí số 01 đến tim đường là 0,43m, từ trục sau vị trí 01 đến tim đường là 0,40m, từ trục trước vị trí số 4 đến tim đường là 0,70m, từ trục sau vị trí số 4 đến tim đường là 1,80 m, từ điểm đầu vị trí số 02 đến tim đường là 0,14m.

Điểm đâm va: Từ các dấu vết tại hiện trường, xác định vị trí xảy ra va chạm là tại khu vực gần bánh trước của xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 826.xx (khu vực điểm đầu vị trí số 02) thuộc làn đường bên phải hướng Võ Nguyên Gi đi Quốc lộ 3.

Khám nghiệm phương tiện là xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 826.xx thấy: Gáo gương chiếu hậu bên trái bị mất, thanh kim loại của gương chiếu hậu bên trái bị cong gập từ sau về trước; đầu tay lái bên trái, đầu tay côn, mặt ngoài đồng hồ bên trái đều có vết trượt xước; cụm đèn tín hiệu phía trước bên trái bị bung bật, nắp bảo vệ bám dính chất màu nâu; mặt ngoài phía trước đồng hồ bên phải có vết trượt xước, gương chiếu hậu bên phải bị lung lay; đầu tay phanh phía trước có vết trượt xước; mặt ngoài ốp nhựa bảo vệ đèn tín hiệu bên phải có vết trượt xước; chân phanh phía sau và chân dầm phía trước đều bị cong gập; mặt trên buồng máy bên phải, đầu chân chống chính bên trái, mặt ngoài giá kim loại phía sau bên trái đều có vết trượt xước; đèn tín hiệu phía sau bên trái bị nứt vỡ phần ốp nhựa. Mở chìa khóa điện thấy đèn tín hiệu bên phải hoạt động.

Khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 153.xx thấy: Gương chiếu hậu bên phải bị lung lay; các vị trí đầu tay phanh phía trước bên phải, mép ngoài phía trước cánh yếm bên phải, đầu chân dầm phía trước bên phải, mặt ngoài ốp bảo vệ đèn tín hiệu phía trước bên trái, mặt ngoài ốp nhựa gáo gương chiếu hậu bên trái đều có vết trượt xước; đầu cánh yếm bên phải bị nứt vỡ; chấn bunn phía trước bị cong vênh, đầu chấn bunn bị nứt vỡ; cangk xe phía trước bị cong vênh; đầu chân dầm phía trước bên trái bám dính chất màu trắng; đầu xe bị cong vênh.

Đối với thương tích của anh Tống Ngọc D: Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 154/TgT ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bắc Kạn kết luận: Sẹo mổ vùng trán – thái dương – đỉnh phải; cụt ngón 1 chân phải; đụng giập tụ máu nhu mô não trán – thái dương phải; tụ máu dưới màng cứng bán cầu phải; xuất huyết dưới nhện. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 66,34% (theo phương pháp cộng lùi).

Đối với thương tích của cháu Nguyễn Linh S: Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 148/TgT ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bắc Kạn kết luận: Sẹo vết thương phần mền ở mồm cằm phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 1%.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 16/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố Bắc Kạn kết luận: Giá trị thiệt hại của chiếc xe mô tô BKS 97B1- 826.xx là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); giá trị thiệt hại của chiếc xe mô tô BKS97B1- 153.xx là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Kết quả rà soát Camera, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn đã thu giữ được 01 (Một) đoạn video ghi lại diễn biến vụ tai nạn như đã nêu trên được trích xuất từ camera lắp đặt trước cửa nhà bà Ngô Thị H, sinh năm 1961, trú tại tổ 2, phường Đ, thành phố B, tỉnh B.

Bùi Văn T khai nhận: Bản thân không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định nhưng khoảng 08 giờ ngày 16/6/2019 đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 153.xx chở cháu Nguyễn Linh S tham gia giao thông, khi đi đến đoạn đường Ng thuộc tổ 1, phường Đ, thành phố B, tỉnh B đã đi sai phần đường quy định dẫn đến va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 826.xx do anh Tống Ngọc D điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả làm cháu Nguyễn Linh S bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%, anh Tống Ngọc D bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 66,34% và hai xe mô tô bị hư hỏng.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 15/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Bùi Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“ 1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Tống Ngọc D số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Ghi nhận bị cáo đã bồi thường số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), còn phải bồi thường tiếp số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho chị Bùi Thị Chinh L1: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 97B1 - 153.xx màu sơn đen bạc, xe bị hư hỏng do tai nạn giao thông.

Về án phí: Áp dụng Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn tiền án phí hình sự, tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Văn T.

* Người bào chữa cho bị cáo đề nghị: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, là người cao tuổi và có công với cách mạng, được tặng Bằng khen, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã thỏa thuận bồi thường và tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và xử phạt từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin hưởng mức áp thấp nhất, hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Khoảng 08 giờ ngày 16/6/2019, tại đoạn đường Ng (đường nối giữa đường Võ Nguyên Gi với đường Quốc lộ 3) thuộc tổ 1, phường Đ, thành phố B, tỉnh B, Bùi Văn T đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 153.xx chở cháu Nguyễn Linh S tham gia giao thông theo hướng từ Quốc lộ 3 ra đường Võ Nguyên Gi trong khi không có giấy phép lái xe, đi sai phần đường quy định dẫn đến va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 826.xx do anh Tống Ngọc D điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả làm cháu Nguyễn Linh S bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%, anh Tống Ngọc D bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 66,34% và gây thiệt hại về tài sản là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của Bùi Văn T đã vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008.

Khoản 9 Điều 8 quy định: “*Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định*”.

Khoản 1 Điều 9 quy định: “*Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.*”

Hậu quả của hành vi vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ của bị cáo đã làm cháu Nguyễn Linh S bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%, anh Tống Ngọc D bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 66,34% và hai xe mô tô bị hư hỏng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia

giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, xâm phạm an toàn công cộng, làm thiệt hại về sức khỏe của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Tống Ngọc D số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Bị cáo là người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có công với cách mạng, được tặng Bằng khen, được bị hại và người đại diện theo pháp luật của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định và rõ ràng, không phải chịu tình tiết tăng nặng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tính răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo đồng thời cũng tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sửa chữa sai phạm của mình.

* Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

* Về trách nhiệm dân sự:

1. Bị hại cháu Nguyễn Linh S và người đại diện theo pháp luật không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Tại phiên tòa giữa bị cáo và bị hại anh Tống Ngọc D đã tự nguyện thỏa thuận về vấn đề bồi thường thiệt hại và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án, cụ thể: Bị cáo phải bồi thường cho bị hại anh Tống Ngọc D các chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe; thu nhập thực tế bị mất trong thời gian điều trị; thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần với tổng số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Xét thấy sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Buộc bị cáo Bùi Văn T phải bồi thường cho anh Tống Ngọc D số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Ghi nhận bị cáo đã bồi thường số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), còn phải bồi thường tiếp số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

3. Đối với thiệt hại về chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1- 826.5597 và B1-153.25 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Chinh L1 và bị hại anh Tống Ngọc D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 97B1 - 153.xx màu sơn đen bạc, xe bị hư hỏng do tai nạn giao thông. Qua xác minh thấy chiếc xe là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Bùi Thị Chinh L1, việc bị cáo Bùi Văn T sử dụng xe gây tai nạn chị L1 không biết và không được giao xe cho bị cáo. Tại phiên tòa, chị L1 đề nghị được nhận lại chiếc xe và không yêu cầu bồi thường thiệt hại do xe bị hư hỏng. Hội đồng xét xử thấy, khi bị cáo sử dụng chiếc xe trên và gây tai nạn chị L1 không biết, nay xét đề nghị của chị L1 là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần trả lại chiếc xe cho chị L1.

- Đối với xe mô tô BKS 97B1 – 826.xx thuộc sở hữu của anh Tống Ngọc D, sau khi tạm giữ và trưng cầu định giá tài sản xong, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại anh Tống Ngọc D là đúng quy định của pháp luật.

* Đối với chị Bùi Thị Chinh L1, qua điều tra xác định việc bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 97B1 - 153.xx là tài sản thuộc sở hữu của chị L1 gây tai nạn thì chị L1 không biết và không được giao xe cho bị cáo. Do đó, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị Bùi Thị Chinh L1 về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại Điều 264 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

* Đối với việc bị hại là anh Tống Ngọc D, khi điều khiển xe tham gia giao thông đi ở phần phân đường theo quy định của Luật giao thông đường bộ nhưng không đội mũ bảo hiểm, nồng độ cồn trong máu thời điểm được cấp cứu tại Bệnh viện sau khi vụ tai nạn xảy ra là 293,5 mg/100ml, vượt quá mức tối đa cho phép theo quy định, không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. Tuy nhiên, vi phạm nêu trên của anh D là vi phạm về hành chính, không phải nguyên nhân dẫn đến tai nạn xảy ra. Do đó, Cơ quan điều tra tách ra để đề nghị Công an thành phố Bắc Kạn xem xét xử lý hành chính đối với anh D là đúng quy định.

* Về án phí: Bị cáo là người tham gia kháng chiếm bị nhiễm chất độc hóa học có công với cách mạng và có đơn xin miễn tiền án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

* Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo Bùi Văn T phải bồi thường cho anh Tống Ngọc D số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Bị cáo đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), còn phải bồi thường tiếp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho chị Bùi Thị Chinh L1: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 97B1 - 153.xx màu sơn đen bạc, xe bị hư hỏng do tai nạn giao thông.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí hình sự, tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Văn T.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND thành phố;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- UBND phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XU SƠ THAM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương